

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 312/2020/DS-ST

Ngày: 31-8-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
C cấp lắp đặt nội thất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Minh Tuấn.
2. Ông Lê Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 446/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng cung cấp lắp đặt nội thất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2020/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Đình C, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường B, Phường HB, Quận BT, Tp.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thiết kế T.

Trụ sở: Đường T, Phường MB, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thanh L.

Địa chỉ: Đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Thùy N, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Đường B, Phường HB, Quận BT, Tp.Hồ Chí Minh.

2. Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Đường N, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh L vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thủy N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 19/8/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - ông Hoàng Đình C trình bày:

Nguyên đơn – ông Hoàng Đình C trình bày: Theo hợp đồng ký ngày 15 tháng 9 năm 2018, giữa ông C và Công ty TNHH dịch vụ thương mại thiết kế T, mã số thuế: 00000 (sau đây viết tắt là công ty T) do bà Nguyễn Thị Thanh L làm Giám đốc, để làm nội thất nhà A1-39-OT 303, số 02 Tôn Đức Thắng, Quận 1. Thời gian thực hiện hợp đồng là 35 ngày, với số tiền là 234.070.000 đồng (Hai trăm ba mươi bốn triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) lúc 16 giờ ngày 15 tháng 9 năm 2018. Vào lúc 14 giờ 30 phút, ngày 17 tháng 9 năm 2018, ông C đã thanh toán số tiền tạm ứng là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) từ Ngân hàng Vietcombank đến Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng. Theo nội dung hợp đồng, đến ngày 02 tháng 11 năm 2018 Công ty T sẽ hoàn thành công việc nhưng từ đó đến nay, Công ty T không thực hiện đúng hợp đồng và không trả lại số tiền 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) cho ông C mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu trả lại tiền. Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Hoàng Đình C đã làm đơn khởi kiện Công ty T, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là Công ty T phải trả lại số tiền ông C đã tạm ứng là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và bồi thường thiệt hại cho ông C trong thời gian từ ngày ký hợp đồng đến nay, bao gồm: Số tiền lãi suất Ngân hàng 8%/năm tạm tính trong 10 tháng là $140.000.000 \times 8\%/12 \times 10 = 9.333.000$ đồng (Chín triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng) và bồi thường thiệt hại cho ông do việc chậm trễ thực hiện hợp đồng dẫn đến ông bị mất thu nhập trong việc cho thuê căn hộ 4 tháng là $27.000.000 \times 4 = 108.000.000$ đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng). Tổng số tiền ông Hoàng Đình C yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thiết kế T phải thanh toán là 257.333.000 đồng (Hai trăm năm mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Tuy nhiên, ngày 28/8/2020, ông C đã nộp đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bồi thường thiệt hại cho ông do việc chậm trễ thực hiện hợp đồng dẫn đến ông bị mất thu nhập trong việc cho thuê căn hộ 4 tháng là 108.000.000 (Một trăm lẻ tám triệu) đồng. Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Công ty T hoàn trả tiền ông đã thanh toán đợt 1 của Hợp đồng là 140.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 03/8/2020 là 21 tháng với mức lãi suất 8%/năm: $140.000.000 \times (8\%/12) \times 21 = 19.404.000$ đồng (Mười chín triệu, bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng)

Bị đơn – Công ty TNHH dịch vụ thương mại thiết kế T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thanh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết các yêu cầu của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nhưng đến nay

bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Thanh L không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị Thùy N trình bày: Bà và ông C là vợ chồng nên việc ông C đại diện bà khởi kiện Công ty T bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là ông Hoàng Đình C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục theo quy định. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả lại tiền tạm ứng đã nhận là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn. Đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn tự nguyện rút, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông C yêu cầu Công ty TNHH dịch vụ thương mại thiết kế T hoàn trả lại cho ông số tiền 140.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 08/3/2019, bị đơn – Công ty T có trụ sở tại địa chỉ Đường T, Phường MB, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và thuộc tranh chấp quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về thủ tục tố tụng đạt:

[3.1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Công ty T và bà Nguyễn Thị Thanh L đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông nhưng bà L đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty T vắng mặt tại phiên tòa. Ông C và bà Thùy N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu Công ty T hoàn trả tiền tạm ứng 140.000.000 đồng: Căn cứ Hợp đồng kinh tế ngày 15/9/2018, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông C, bà Như và Công ty T có thỏa thuận hợp đồng C cấp lắp đặt đồ gỗ nội thất, nội dung công việc là Công ty T hoàn thiện nội thất cho căn hộ A1-39.OT.03 – Vinhomes, ông C và

bà N có nghĩa vụ thanh toán 60% giá trị hợp đồng sau khi ký hợp đồng. Xét theo Biên lai chuyển tiền ngày 17/9/2018, ông C và bà N có chuyển khoản thanh toán đợt 1 cho Công ty T 140.000.000 đồng theo Hợp đồng kinh tế đã ký ngày 15/9/2018. Xét lời khai của bà N, bà và ông C là vợ chồng, do đó bà thống nhất ý kiến với ông C về yêu cầu khởi kiện. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án nhân dân Quận 10 đã tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho Công ty T, bà Nguyễn Thị Thanh L để Công ty T và bà L trình bày ý kiến và đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn nhưng Công ty T, bà L vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty T hoàn trả cho ông C số tiền 140.000.000 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu tính lãi đối với số tiền 140.000.000 đồng, kể từ ngày 03/11/2018 với lãi suất 8%/năm cho đến ngày 03/8/2020. Hội đồng xét xử xét thấy Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ Hợp đồng kinh tế ký ngày 15/9/2018 đối với ông C. Ông C yêu cầu Công ty T bồi thường tiền lãi phát sinh từ ngày 03/11/2018, tức sau ngày Công ty T cam kết thực hiện xong nghĩa vụ của Công ty theo hợp đồng cho ông C (ngày 02/11/2020) với mức lãi suất 8%/năm là phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ Điều 360 Bộ luật dân sự năm 2015 “Trường hợp bên có thiệt hại do vi phạm nghĩa vụ gây ra thì bên có nghĩa vụ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại”, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông C đối với số tiền 140.000.000 đồng là $140.000.000 \text{ đồng} \times (8\%/12) \times 21 \text{ tháng} = 19.404.000 \text{ đồng}$.

[4.3] Về việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 108.000.000 đồng, ông C yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại cho ông do việc chậm trễ thực hiện hợp đồng dẫn đến ông bị mất thu nhập trong việc cho thuê căn hộ 4 tháng, mỗi tháng 27.000.000 đồng. Xét, việc rút một phần yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện. Căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu trên. Ông C có quyền khởi kiện lại Công ty T theo quy định pháp luật.

[4.4] Như vậy, Công ty T có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C số tiền ông C đã tạm ứng cho Công ty T là 140.000.000 đồng và số tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ hợp đồng là 19.404.000 đồng. Tổng cộng: 159.404.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, Công ty T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: $5\% \times 159.404.000 \text{ đồng} = 7.970.200$ (Bảy triệu, chín trăm bảy mươi ngàn, hai trăm) đồng.

[5.2] Hoàn lại cho ông C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.433.325 đồng (Sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 014592 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 13 và Điều 360 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc Công ty TNHH dịch vụ thương mại thiết kế T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Hoàng Đình C số tiền 159.404.000 (Một trăm năm mươi chín triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn) đồng. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đình C đối với số tiền bồi thường thiệt hại do việc chậm trễ thực hiện hợp đồng của Công ty TNHH dịch vụ thương mại thiết kế T dẫn đến ông bị mất thu nhập trong việc cho thuê căn hộ 4 tháng 108.000.000 (Một trăm lẻ tám triệu) đồng. Ông C có quyền khởi kiện lại yêu cầu trên theo quy định pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: 7.970.200 (Bảy triệu, chín trăm bảy mươi ngàn, hai trăm), Công ty TNHH dịch vụ thương mại thiết kế T phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Hoàng Đình C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.433.325 đồng (Sáu triệu, bốn trăm ba mươi ba ngàn, ba trăm hai mươi lăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 014592 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Phương